

TOÀ ÁN PHONG TỤC: MỘT KIỂU VẬN DỤNG LUẬT TỤC CÓ HIỆU QUẢ

*Phan Đăng Nhật**

Từ những năm 20 của thế kỷ trước, người Pháp đã quan tâm đến luật tục của các dân tộc Tây Nguyên. Người đầu tiên sưu tầm và dịch ra tiếng Pháp luật tục của người Êđê là Léopold Sabatier, công sứ Pháp ở tỉnh Daklak. Đó là sách: “*Ruôm Hra Kley Due*”, IDEO xuất bản, Hanoi, 1927. Sách luật tục của L. Sabatier ra đời đã gây được sự chú ý của giới cầm quyền Pháp và họ khuyến khích việc tiếp tục sưu tầm luật tục. Toàn quyền Pháp P. Pasquier ban hành Thông tri 578-CA ngày 30-7-1923, yêu cầu viên chức dưới quyền tiến hành đối với các dân tộc đông người như Jrai, Sôđang, Bana, Mnông...; quy tắc hoá luật tục như đã làm với người Êđê (điều này nhắc đến việc làm của Sabatier- có lẽ sách được biết đến trước khi xuất bản). Từ đó một loạt sách sưu tầm luật tục của nhiều tác giả được công bố: P. Guilleminet, Theophile Gerber, Jean Boulbet, P. Bernard Lafont, J. Dournes ...

Từ các luật tục truyền thống Tây Nguyên, người Pháp vận dụng vào thực tế xét xử, xây dựng các bộ luật quan phương, lập các toà án được gọi là Toà án phong tục (trong bài này viết tắt là TAPT). Và TAPT đã có một vai trò nhất định trong hoạt động pháp lý ở Tây Nguyên: “Trước đây các chính quyền cũ đã phải tôn trọng và sử dụng luật tục. Người Pháp từ những năm 30 của thế kỷ trước đã tổ chức Toà án phong tục để xử người dân tộc thiểu số theo luật tục của họ. Sau đó chính quyền ông Ngô Đình Diệm bãi bỏ toà án phong tục (1963), bị nhân dân chống đối dai dẳng. Năm 1969 chính quyền ông Nguyễn Văn Thiệu phải chấp nhận tái lập lại Toà án phong tục”¹.

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu TAPT của tỉnh Kontum. Đây là một trong những TAPT tiêu biểu đã thu thập luật tục và vận dụng chúng trong quá trình xét xử cho cả ba dân tộc chính Bana, Sôđang, Jrai.

❖ Về tên gọi

Người Pháp gọi TAPT là tribunal coutumier hoặc coutume juridique, dịch sát nghĩa sang tiếng Việt là Toà án phong tục; họ còn gọi Toà án này là tribunal coutumier officiel có nghĩa là TAPT quan phương, để nhấn mạnh tính chất chính thức, tính chất Nhà nước, bên cạnh tính chất phong tục, tập quán của nó.

Song song với Toà án phong tục, trong nhân dân, ở các làng buôn còn tồn tại việc xét xử bằng luật tục, người Pháp gọi là tribunal de village (toà án làng buôn).

❖ Lý do ra đời

Sau hơn nửa thế kỷ cai trị các nước Đông Dương, người Pháp nhận thấy hoàn toàn bất lực trong việc cai trị Tây Nguyên bằng pháp luật, họ chuyển sang nghiên cứu luật tục và ứng dụng luật tục trong xét xử. Ý kiến sau đây xác minh thực tế trên:

“Sự can thiệp của những nhà luật pháp người Pháp đã đem lại, trước hết, trong tất cả Đông Dương một cuộc cải cách tổ chức tư pháp và trình tự tố tụng. Trái với tất cả những gì đã diễn ra ở Campuchia, Lào, Việt Nam, chính quyền thực dân không hề đạt được một kết quả nào kể cả việc làm thay đổi, việc làm biến dạng, cả việc cải cách kỹ thuật và quan niệm truyền thống (về luật lệ) của bộ tộc này (tác giả nói về người Jrai)”².

❖ Thành phần xét xử và luật được sử dụng

* GS. TSKH. Nguyễn Viện trưởng Viện Văn hoá dân gian.

¹ Tham luận của Sở Tư pháp Lâm Đồng, Trong sách “Chuyên đề luật tục”, Kỷ yếu hội thảo ngày 28-3-

1996 tại Buôn Ma thuật, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, H, 1997, tr.132.

² P. Bernard Lafont: *Toloi djuat, luật tục của bộ lạc Jarai*, EFEO, Paris, 1963, tr. 18.

Thành phần xét xử được thay đổi tùy theo thành phần dân tộc của các đương sự. Đương sự đều là người Việt (sống ở Tây Nguyên) do quan toà người Việt xét xử theo luật người Việt. Đương sự là người dân tộc do quan toà dân tộc xét xử theo luật tục. Nếu đương sự một bên người Việt, một bên người dân tộc, thì thành phần xét xử có sự tham gia của cả quan toà người Việt và người dân tộc và quá trình xét xử sẽ tham vấn cả luật người Việt và luật tục. Sau đây là quyết định của Nam triều do Hội đồng nhiếp chính công bố về thành phần xét xử ở tỉnh Kontum khi bắt đầu thành lập tỉnh này:

“Trước đây Kontum thuộc về tỉnh Bình Định, và tất nhiên công việc pháp lý được thi hành bởi tỉnh này.

Nay Kontum đã thành lập tỉnh riêng, cần phải xác định nền tảng của tổ chức pháp lý ở đây. Chúng tôi đồng ý đặt ở Kontum một tri huyện người An nam và một tri huyện người Mọi (Tây Nguyên). Những quan chức này giúp ngài công sứ điều hành công việc pháp lý. Cụ thể như sau :

-Với trường hợp người An nam, do quan tri huyện An nam xử dưới sự kiểm soát của ngài công sứ, như ở các tỉnh khác. Trong trường hợp này xử theo luật An nam.

-Với trường hợp người Tây Nguyên, do quan tri huyện Tây Nguyên xử dưới sự kiểm soát của ngài công sứ. Trong trường hợp này xử theo luật tục Tây Nguyên.

-Với trường hợp tranh chấp giữa người An nam và người Tây Nguyên, do ngài công sứ xử với sự tham gia tư vấn của quan huyện An nam và quan huyện Tây Nguyên. Trong trường hợp này xử theo luật An nam, đồng thời tuân thủ luật tục Tây Nguyên”.

(Hội đồng nhiếp chính: *Thông báo quyết định của Triều đình về tổ chức tư pháp ở tỉnh Kontum*, số 196, ngày 29-3 năm Duy Tân thứ 7, tức là ngày 7-7-1913)³.

❖ **Mối quan hệ giữa các điều luật của TAPT với luật tục**

Nguồn tài liệu chúng tôi dùng để nghiên cứu mối quan hệ giữa các điều luật của TAPT với luật tục là: Luật tục của bộ tộc Bana, Sôđang và Jrai của tỉnh Kontum, soạn giả là Paul Guilleminet (Ủy viên thông tấn của Trường Viễn đông bác cổ Pháp), De Boccard xuất bản, Paris, EFEO Hanoi, 1952 (tiếng Pháp). Ở phía ngoài có phụ đề “Theo luật tục áp dụng trong các toà án của tỉnh này từ năm 1908 đến năm 1936”.

Như vậy, phần mà chúng tôi trích dẫn để bàn luận ở đây là sự vận dụng luật tục, không phải bản thân luật tục.

Tài liệu này có 104 điều, được sắp xếp trong 18 chương:

- Chương I. Những điều quy định chung; Thủ tục tiếp theo trước Toà án (từ Điều 1 đến Điều 13).

- Chương II. Tiền bồi thường; Trách nhiệm (từ Điều 14 đến Điều 16).

- Chương III. Những hình phạt hình sự (từ Điều 17 đến Điều 20).

- Chương IV. Những bốn phạt chính của mỗi người (từ Điều 21 đến Điều 23).

- Chương V. Các người đứng đầu, các công chức và bốn phạt chính của họ (từ Điều 24 đến Điều 27).

- Chương VI. Những tội phạm chống con người (từ Điều 28 đến Điều 34).

- Chương VII. Tội làm hư hại tài sản (từ Điều 35 đến Điều 39).

- Chương VIII. Quy chế cá nhân (từ Điều 40 đến Điều 45).

- Chương IX. Hôn nhân (từ Điều 46 đến Điều 54).

- Chương X. Những quan hệ tình dục ngoài hôn nhân (từ Điều 55 đến Điều 63).

- Chương XI. Những vấn đề khác liên quan đến mọi người (từ Điều 64 đến Điều 69).

- Chương XII. Lãnh thổ, tài sản ruộng đất (từ Điều 70 đến Điều 76).

- Chương XIII. Gia súc, săn bắn, câu cá (từ Điều 77 đến Điều 81).

- Chương XIV. Sự thu hoạch của cải nhờ khai khẩn các cánh đồng, tài sản của vợ chồng (từ Điều 82 đến Điều 83).

- Chương XV. Sự thừa kế (từ Điều 84 đến Điều 89).

³ Paul Guilleminet : *Luật tục của bộ lạc Ba Na, Xê Đăng và Jrai ở tỉnh Kontum*, EFEO, Hà Nội, 1952, tr.71.

- Chương XVI. Những cách khác để sử dụng tài sản (từ Điều 90 đến Điều 96).

- Chương XVII. Nợ và sự bảo đảm (từ Điều 97 đến Điều 99).

- Chương XVIII. Công việc, thuê người làm dài hạn (từ Điều 100 đến Điều 104).

Dưới đây, xin bàn về những điều luật của Toà án phong tục tỉnh Kontum có liên quan chặt chẽ với luật tục.

Về hôn nhân và gia đình:

- Điều 49. Về nơi cư trú: “Đôi vợ chồng Bana và Sodang bình thường đến sống với gia đình nhà chồng. Đôi vợ chồng Jrai bình thường đến sống ở gia đình bên vợ. Nơi ở “qua lại” (nghĩa là cả hai bên) cũng được chấp nhận. Hai vợ chồng phải thoả thuận tình trạng này”.

Ở tỉnh Kontum có 3 dân tộc chính là Bana, Jrai, Sodang. Bana và Sodang cơ bản là theo chế độ phụ hệ. Jrai theo mẫu hệ. Tuy nhiên, sự phân định trên đây không thật rành mạch.

Chúng ta thấy việc quy định của TAPT về nơi cư trú trên đây phù hợp theo chế độ gia đình của từng dân tộc: mẫu hệ, phụ hệ hoặc trung gian.

- Điều 66. Về người giám hộ (đỡ đầu): “Khi cha mẹ đều qua đời, những đứa con vị thành niên ở vùng người Jrai, trở thành những trẻ được giám hộ của một trong anh em trai của mẹ (tức là cậu). Ở vùng người Bana và người Sodang, một trong các chú bác là người giám hộ”.

Ở người Jrai, giám hộ thuộc họ mẹ vì đây là chế độ mẫu hệ. Anh em trai của mẹ có vai trò cữu phụ, nghĩa là cậu có vai trò tương đương với cha (avunculat), cho nên cậu là người giám hộ. Ngược lại, ở vùng Bana, Sodang, chủ yếu là phụ hệ, chú bác là người giám hộ.

- Điều 53: “Cái chết của một trong hai vợ chồng bắt đầu một thời kỳ để tang, kết thúc bằng lễ đóng cửa phần mộ. Người vợ (hoặc chồng) còn sống, trong suốt thời kỳ để tang có nghĩa vụ phải chung thủy với người quá cố”.

- Điều 55. Có những tình tiết tăng tội: “Khi một trong những người phạm tội (quan

hệ tình dục ngoài hôn nhân) là người goá mà phần mộ của vợ (chồng) chưa được đóng”.

- Điều 57: “Khi việc ngoại tình bị phạm bởi những người được liệt kê ở Điều 46, 53 (chưa đóng cửa phần mộ), họ sẽ bị phạt bởi những tình tiết tăng tội nặng, như ở Điều 53.”

Các điều 53, 55, 57 phản ánh một cách rất trung thành phong tục giữ mả và lễ bỏ mả (trong luật ghi là *để tang* và *đóng cửa mả*) và luật tục về hôn nhân liên quan đến phong tục nói trên.

Người Tây Nguyên tin rằng, khi mới chết vong hồn quẩn quanh ở nghĩa địa, thân nhân phải thường xuyên chăm sóc hồn, bằng cách đều đặn đem cơm canh dâng hồn, khóc lóc, quét dọn mả (nhà của người chết). Thời kỳ này gọi là giữ mả. Trong thời gian giữ mả người goá (đàn ông hoặc đàn bà) phải tuyệt đối giữ lòng chung thủy không được tư tưởng đến một tình nhân nào. Nếu không như vậy luật tục gọi là “bước qua đầu người chết” và bị phạt rất nặng. Phản ánh quy định này của luật tục, TAPT khép việc quan hệ tình dục trong thời gian này vào các “tình tiết tăng tội” (Điều 55 và 57).

Giai đoạn giữ mả dài ngắn tùy theo gia đình. Thường lệ thuộc vào việc chuẩn bị vật phẩm, tiền nong cho lễ bỏ mả. Chi phí này khá tốn kém.

Lễ bỏ mả mở ra thời kỳ mới, thời kỳ bỏ mả. Từ đây gia đình không chăm sóc mộ mả nữa mà để mặc nó cho đến hoang phế. Người ta tin rằng hồn ma đã về xứ *mang lung* cùng với ông bà, tổ tiên. Những người goá được tự do tái hôn.

- Điều 63: “Người đàn ông và người đàn bà goá, ngay sau khi đóng phần mộ và sau khi đã tuân thủ những nghi lễ do một vài tập quán địa phương quy định, có thể tái hôn”.

Vào cuối lễ bỏ mả, sau khi đã làm đầy đủ lễ dâng cúng, khóc lóc, tiễn đưa hồn ma, có lễ *tắm gội*. Gia đình dắt người goá ra sông suối tắm gội, thay quần áo mới, sau đó, người goá nhập vào đoàn người hát múa diễu quanh mộ. Ngay từ giờ phút này, người goá trở thành người tự do, được phép yêu đương và tái hôn.

Trong vấn đề hôn nhân và quan hệ nam nữ, luật tục các dân tộc đều phạt rất nặng tội loạn luân. Ngoài việc cúng lễ rất tốn kém, có hiến sinh trâu, đôi trai gái bị phạt làm súc vật. Họ bị bắt cởi truồng trước cộng đồng, bỏ vào một cái chuồng, vục đầu ăn vào máng lợn.

Tuy nhiên, trong TAPT, Điều 58 coi nhẹ tội này:

- Điều 58. Về sự loạn luân: “Tuỳ thuộc vào tình hình mà chỉ chấp nhận khoản bồi thường cho vợ (chồng) của hai kẻ phạm tội. Gia đình của mỗi kẻ phạm tội không thể đòi hỏi tiền bồi thường ngoài những trường hợp được đề ra ở Điều 31 (Về tội hãm hiếp phụ nữ) và 56 (Về đứa trẻ sinh ra ngoài giá thú). Nhưng có quyền có một lễ tạ tội theo nghi thức.

Tất cả các lễ tạ theo tục lệ được tăng thêm, mà sự loạn luân chỉ là trường hợp đặc biệt của lỗi lầm đã xử lý trong các điều khoản này”.

Như vậy, TAPT chỉ xếp loạn luân trong khung các tội về quan hệ tình dục ngoài giá thú, mức phạt không cao hơn khung tội này. TAPT chấp nhận có một lễ tạ tội theo nghi thức và hoàn toàn không chấp nhận việc nhục mạ, bắt trần truồng, ăn vào máng lợn. Đây là điểm khác với luật tục và là điều tiến bộ quan trọng.

Về tài sản:

- Điều 70: Người Bana, Sôdang, Jrai coi là sở hữu các đồ vật thiếu chủ được đánh dấu, hoặc các thứ được hái lượm hay săn bắt (vật săn, cá, quả trong rừng, mật ong...). Các tài sản trên được thừa kế, được tặng, biếu, mua bán.

- Điều 77: Các sản phẩm tự nhiên như sáp ong, mật ong, quả rừng, các loại cây cỏ ăn được, gọi là tài sản thiếu chủ. Chúng thuộc về người phát hiện, họ phải đánh dấu, thu nhặt và hái lượm chúng và từ đó trở thành tài sản cá thể.

- Điều 78: Không ai được chiếm đoạt một vật bắt được. Ai bắt được một vật gì phải báo cho làng biết. Anh ta có quyền được hưởng thù lao về việc đã tìm được vật ấy và đã bảo quản tốt nó. Anh ta có thể trở thành

chủ của vật này nếu không có ai nhận trong thời gian 1 năm.

- Điều 79: Không ai được nhận sở hữu một con vật lạc, hoặc con vật nhập vào đoàn của mình. Anh ta phải báo cho các chủ làng về phát hiện của mình và được xem là người coi giữ con vật mà anh ta có nhiệm vụ chăm sóc. Người chủ sở hữu chỉ có thể thu hồi lại tài sản khi đã trả công coi giữ và bồi thường tuỳ theo thiệt hại mà con vật gây ra.

“Không ai được chiếm đoạt một vật bắt được...”, “Không ai được nhận sở hữu một con vật lạc...”. Đây là quy tắc truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên được ghi nhớ trong luật tục. Sau đây là quy định của luật tục về những vấn đề trên:

- Điều 213 Luật tục Êđê⁴:

*“Hắn nhận được của người ta,
mà hắn không hé miệng nửa lời nói cho ai biết,*

*mà hắn không báo cho dân làng rằng
hắn đã nhặt được của.*

Hắn kín hơi, kín tiếng.

Hắn giữ kín quả bầu với cả hạt trong đó.

Như vậy là hắn có tội”.

- Điều 214 Luật tục Êđê nói về việc bắt được trâu bò hoặc của cải khác:

“Của bắt được có thể là con bò của chủ làng,

là con trâu của người giàu, hay đồ vật của bà con dân làng.

Phải hô hoán lên, đi báo cho mọi người biết,

nói cho mọi người biết rằng,

con trâu không biết của ai, con bò không biết của ai,

đồ đạc của bà con dân làng, không biết rõ ai là chủ.

Bắt được bò thì phải tìm người có bò,

nhặt được sợi dây thì phải đi tìm người chủ sợi dây”.

⁴ Các điều về luật tục Êđê trong phần này trích từ sách *Luật tục Êđê*, Ngô Đức Thịnh và Chu Thái Sơn, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 1996.

Cũng như các luật tục mà TAPT áp dụng, Luật tục Mnông⁵, Điều 13, Chương VIII, coi tội nhặt của rơi không trả là ăn cắp:

“Súc vật buôn làng chạy ra bắt giúp

Của buôn làng rơi ta lượm giúp

Bắt con lợn phải trả cho chủ

Bắt con gà phải trả cho chủ

Lượm được của rơi phải trả cho chủ

Lượm của rơi lấy luôn

Như vậy gọi là lấy lén

Ăn cắp và lấy lén tội như nhau”.

- Điều 36 (TAPT): “Kẻ nào làm hư hại tài sản của người khác mà không có chủ tâm thì phải bồi thường vật chất và bồi thường theo tập tục (chẳng hạn như gây ra xúi quẩy)”.

- Điều 37 (TAPT): “Người mất trộm phải được nhận từ kẻ trộm gấp đôi giá trị vật nó đã lấy trộm và gấp ba giá trị của thóc gạo lấy trộm.

Ăn trộm vào dịp lễ Tết, trong kho, vựa hoặc mô mã phải chi các khoản bồi thường nặng.

Định ăn trộm, bị phát hiện khi mới bắt đầu hành động, thì không phải trả tiền bồi thường, nhưng phải có lễ cúng theo tập tục vì gây ô ướ, xúi quẩy”.

“Lấy cắp một phải đền ba” là cơ bản phù hợp với tinh thần của luật tục nhiều dân tộc Tây Nguyên.

- Điều 3, Chương II, Luật tục Êđê ghi nhớ:

“Kẻ ăn cắp ăn trộm phải trả đủ giá (số của cái đã lấy cắp),

ngoài ra phải chịu một khoản bồi thường,

hắn phải trả thêm hai, tức phải trả gấp ba,

thêm một trước một sau (số của cái đã đánh cắp)”.

- Điều 20, Chương VII, Luật tục Mnông cũng nói rõ “lấy một đền ba”:

“Một con lợn bắt đền ba con

Một con gà bắt đền ba con

Lấy của một bắt đền gấp ba”.

Quy định trên đây có cơ sở từ một quan niệm rất phổ biến ở các cư dân thời cổ sơ. Họ tin rằng mọi vật đều có hồn (animisme-Pháp, animism-Anh).

Cũng như vậy, người Tây Nguyên tin rằng động vật, thực vật và kể cả vật vô sinh như núi, sông, chiêng, ché, trống *hơgor*, nôi đồng, ghè dài đánh chiêng (kpan)... đều có phần hồn, gọi là *yang*.

Yang không chỉ là một hiện tượng thần thánh xa xôi, mà kể cả những vật bình thường, gần gũi với con người cũng có yang. Yang có loại tốt, loại xấu. Yang có thể giúp đỡ phù hộ người. Vật có yang nên có thể vui buồn, bằng lòng hoặc bất bình. Con người có thể nghe tiếng nói của yang, thường thông qua giấc mơ. Người ta tránh đụng chạm, làm phiền yang của các vật. Khi đào ché rượu quý lên để dùng, phải trình bày, xin phép. Mở túi thiêng (yang ktung) ra để làm lễ, phải cúng heo. Vật bị đánh cắp tức là yang của nó bị tán loạn. Vì vậy, kẻ lấy cắp, ngoài việc bồi thường phần vật thể của vật, còn phải bồi thường thêm vì tội làm xúc phạm đến hồn vía của nó.

TAPT nói về việc “bồi thường theo tập tục, do gây ô ướ, gây xúi quẩy” (Điều 36, Điều 39 của TAPT) đều mang ý nghĩa vừa nói trên.

Ăn cắp lúa gạo ngày lễ tết, tức là thời điểm thiêng (temps sacré) trong năm, yang bị tổn thương nặng hơn ngày thường, nên tội nặng hơn cũng có ý nghĩa như vậy.

Vé tai nạn:

- Điều 75 (TAPT): “Cạm bẫy chỉ có thể đặt ở trong hàng rào. Cạm bẫy và nơi đặt phóng lao phải được báo bằng những dấu hiệu rất dễ thấy. Cạm bẫy săn bắt được báo hiệu hợp lệ chỉ được đặt bên ngoài vùng gia súc thường đi lại”.

- Điều 69 (TAPT): “Cái chết ở ngoài nhà ở còn gây ra những khoản đền bù theo phong tục sau:

a. Khi cái chết xảy ra trong nhà người khác, nhưng vẫn ở trong làng người quá cố,

⁵ Những điều về luật tục Mnông trong phần này được trích từ sách *Luật tục Mnông*, Ngô Đức Thịnh chủ biên, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1998.

chủ gia đình có quyền đòi khoản chi phí cho lễ tẩy uế; một con dê hoặc một con lợn;

b. Khi cái chết xảy ra trong làng người quá cố, bên ngoài mọi ngôi nhà, không tổ chức lễ tẩy uế;

c. Khi cái chết xảy ra trong một làng, không phải làng của người quá cố, làng này có quyền đòi một khoản chi phí của lễ tẩy uế: một con trâu”.

Về tội “khách chết trong nhà”, Điều 12, Chương IV, Luật tục Mnông ghi nhớ:

*“Để khởi dính cơm ở tay,
Để khởi dính phân nơi khó,
Để khởi dính chết nơi người,
Để mũi tên khởi dính vào khiên,
(Phải)*

*Cúng xoá một vịt, một chó,
Cúng xoá một lợn, một ché”.*

❖ **Chế tài**

Ở TAPT sử dụng cả chế tài của luật tục như: làm lễ dâng cúng rượu, gà, lợn, dê, trâu để tạ lỗi với thần linh và cộng đồng; và cả các chế tài của pháp luật hiện đại như: phạt tiền, phạt tù, tịch biên tài sản.

❖ **Kết luận**

1. Xét về toàn cục, những điều luật của TAPT có phạm vi điều chỉnh rộng, tương đương với luật tục. Những quy định này điều chỉnh các quan hệ xã hội của các dân tộc Bana, Sôđang, Jarai bao gồm cả lĩnh vực hình sự và dân sự (hôn nhân, gia đình...) cũng giống như Luật tục của người Êđê được liệt kê sau đây:

- Chương I. Các quy định mở đầu
- Chương II. Về các tội xúc phạm đến người đầu làng
- Chương III. Về các tội của người trưởng buôn
- Chương IV. Các vi phạm lợi ích cộng đồng
- Chương V. Về hôn nhân
- Chương VI. Về quan hệ cha mẹ - con cái
- Chương VII. Về tội gian dâm
- Chương VIII. Các trọng tội
- Chương IX. Về của cải, tài sản
- Chương X. Về trâu bò gây thiệt hại...
- Chương XI. Về đất đai và người chủ đất

(Tổng cộng gồm 11 chương và 236 điều)

2. Về cơ bản, nhiều quy tắc xử sự của phong tục và luật tục các dân tộc Tây Nguyên được vận dụng và đưa vào trong các điều luật của TAPT một cách thích hợp.

2.1. Về hôn nhân, TAPT đã có những quy định phù hợp theo đặc điểm của các chế độ gia đình của từng dân tộc: mẫu hệ, phụ hệ, trung gian; về các mặt cư trú, giám hộ...

2.2. Về quan hệ tình dục ngoài giá thú, quy định của TAPT kế thừa quy định của luật tục về vấn đề thời kỳ giữ mả và bỏ mả. Trong thời kỳ giữ mả, người goá có quan hệ tình dục bị phạt tăng nặng. Tuy nhiên, ngay sau khi làm lễ táng gôi (trong lễ bỏ mả), người goá được phép tự do “quan hệ”.

2.3. Vai trò của quan niệm tín ngưỡng yang (vật linh= animism) rất được tôn trọng trong các quy định của TAPT. Điều này thể hiện qua các hình thức phạt để tạ tội về sự xúc phạm đến hồn vía của các vật thể, tức là xúc phạm đến yang; và thể hiện qua một kiểu phạt đặc biệt Tây Nguyên là “lấy cấp một phải đền ba”.

2.4. Bên cạnh đó, TAPT đã sửa đổi một số quy định lạc hậu của luật tục cho phù hợp với tiến bộ, như không chấp nhận hình thức nhục mạ nhân phẩm trong tội loạn luân, và không chấp nhận việc thử tội (điều tra tội phạm) bằng những hình thức trung cổ như: đổ chì nóng vào tay, lặn nước, lấy kim trong nổi nước đang sôi, bóp trứng...

2.5. Về nhân sự xét xử, trong những phiên toà xử người dân tộc thiểu số (hai bên hoặc một bên đương sự) đều có quan toà là người dân tộc.

2.6. Về chế tài, dùng cả chế tài của luật tục (cúng tạ tội) và chế tài của pháp luật hiện đại (phạt tiền, tịch biên tài sản, tù...).

2.7. Về phong cách diễn đạt, không dùng văn vắn, mà dùng ngôn ngữ chính xác, nhờ vậy tránh sự hiểu mơ hồ. Bố cục các chương, điều vừa mạch lạc, vừa chặt chẽ.

Từ trước đến nay, chúng ta đều nhận thấy giá trị của luật tục. Nhưng nhiều vấn đề được đặt ra mà chưa có lời giải đáp:

(Xem tiếp trang 29)

đạo đức lối sống từ cấp Thành phố xuống phường, xã. Từ đó hình thành nhân cách của một đội ngũ cán bộ - công chức có ý thức sâu sắc về bốn phận phục vụ xã hội, công dân và phục vụ cộng đồng theo quan niệm hành chính đổi mới, "hành chính phục vụ".

*** Xây dựng đội ngũ cán bộ - công chức đủ trình độ thực hiện phân cấp**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của phân cấp, cần đẩy mạnh cải cách về công tác cán bộ - công chức. Tiếp tục rà soát công tác cán bộ, tổ chức, quy hoạch và đào tạo mới đội ngũ cán bộ nòng cốt, cán bộ chuyên môn cho việc đảm nhiệm các nhiệm vụ phân cấp ở cơ sở. Song song đó là việc rà soát lại công tác phân cấp, uỷ quyền cho sở - ngành, kết hợp phân cấp với phát huy quyền chủ động của cán bộ cơ sở, tăng quyền làm chủ của nhân dân thông qua việc đánh giá, giám sát từng công việc của cán bộ - công chức được phân cấp. Chỉ có phân công đúng người, đúng việc thì bộ máy hành chính hoạt động mới có hiệu quả. Gắn việc phân cấp với việc chuẩn hoá, mẫu hoá, công khai hoá những loại thủ tục hành chính, hoàn thiện các quy trình thủ tục hành chính và đồng thời cũng gắn liền với chuẩn hoá quy trình công vụ nhằm cải tiến hơn nữa chất lượng dịch vụ hành chính công theo nguyên tắc dân chủ, đơn giản, công khai, đúng pháp luật, giảm phiền hà cho nhân dân và tổ chức.

Đội ngũ cán bộ - công chức là nhân tố quyết định của công cuộc cải cách hành chính. Chính vì vậy, phải đặc biệt quan tâm đến nhân tố này từ việc đào tạo bồi dưỡng, rà soát lại biên chế, xác định "biên chế thực" cho các sở, ban - ngành, quận - huyện, phường - xã, thị trấn cho phù hợp với đặc điểm của đô thị lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, khắc phục tình trạng "vừa thừa, vừa thiếu" như hiện nay. Đẩy mạnh quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng một cách cơ bản, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ - công chức hành chính, chú trọng nâng cao kiến thức kỹ năng hành chính, với mục đích là "công tâm, thạo việc và trong sạch".

Mặt khác, nên thực hiện thí điểm thi tuyển công chức lãnh đạo như mô hình mà Trung Quốc đang thực hiện, tập trung đào tạo chính trị - tư tưởng, văn hoá và nghiệp vụ cho cán bộ chủ chốt phường - xã, thị trấn. Tiếp tục luân chuyển, bố trí cán bộ - công chức theo đúng sở trường chức năng, ngành nghề, tránh tình trạng trái ngành nghề, hay vì các lý do cá nhân, cục bộ bản vị. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, tuyển chọn cán bộ - công chức theo kiểu "có vào - có ra", kiên quyết loại trừ những cán bộ - công chức yếu chuyên môn nghiệp vụ, kém về đạo đức. Thực hiện chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài từ các nơi đến Thành phố làm việc bằng việc đưa ra các chính sách kêu gọi nhân tài thoả đáng, phù hợp.

(Tiếp theo trang 24 - Toà án phong tục)

- Lựa chọn bộ phận nào của luật tục và thể hiện dưới hình thức nào: "Chúng ta cần nghiên cứu để kế thừa trên cơ sở chọn lọc, tiếp thu có lựa chọn truyền thống tốt đẹp của quá khứ. Những tập quán, luật tục nào cần được thừa nhận và sự thừa nhận đó cần được thể hiện dưới hình thức nào?"⁶

- Xử lý mối quan hệ giữa pháp luật và luật tục như thế nào: "Quan hệ giữa hương ước, luật tục với pháp luật nhà nước như thế

nào? Sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa pháp luật và luật tục, hương ước như thế nào?"⁷.

Chính TAPT đã trả lời những câu hỏi trên, về cơ bản: mối quan hệ, sự lựa chọn, hình thức thể hiện... Mặc dù còn phải thảo luận thêm, nhưng chúng tôi cho rằng TAPT đã cho ta một kiểu cách hợp lý về việc tiếp thu luật tục, mà chúng ta cần phải tìm hiểu, nghiên cứu cẩn thận.

^{6,7} Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Đình Lộc : Phát biểu khai mạc hội thảo khoa học, trong sách "Chuyên đề luật tục". Kỷ yếu hội thảo ngày 28-3-1996, tại Buôn Ma Thuột, Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý, H, 1997, tr.11.